

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM TÂN
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33 /2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26/8/2024

V/v: “Tranh chấp ly hôn
và nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM TÂN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đình Khương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Quang Sơn và bà Trà Thị Thanh Hoa.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Kim Thoa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 155/2024/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2024, về việc: “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 36/2024/QĐ-ST ngày 09 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông [Nguyễn Ngọc Đ](#), sinh năm: 1982. Địa chỉ: [Thôn T, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên](#). (Vắng mặt)

- Bị đơn: Bà [Trần Thị Ú](#), sinh năm: 1994. Địa chỉ: [Thôn C, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận](#). (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông [Nguyễn Ngọc Đ](#) trình bày:*

- *Về hôn nhân:* Giữa ông [Đ](#) và bà [Ú](#) tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại [UBND xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên](#) vào ngày 11/12/2017. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống tại [thôn C, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận](#). Tuy nhiên, trong thời gian sống chung thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên ông [Đ](#) đã về lại [xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên](#) sinh sống nên vợ chồng ông [Đ](#), bà [Ú](#) đã sống ly thân từ tháng 10/2023 cho đến nay. Nay, ông [Đ](#) nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên ông [Đ](#) đề nghị Tòa án giải quyết cho ông [Đ](#) được ly hôn với bà [Trần Thị Ú](#).

- *Về con chung*: Trong quá trình chung sống, vợ chồng ông **Đ** và bà **Ú** có 02 con chung là cháu **Nguyễn Trần Thiên N**, sinh ngày 16/4/2018 và cháu **Nguyễn Trần Thiên T**, sinh ngày 21/7/2019. Sau ly hôn, ông **Đ** có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu **Nguyễn Trần Thiên N**. Ông **Đ** đồng ý giao cháu **Nguyễn Trần Thiên T** cho bà **Ú** nuôi dưỡng, không yêu cầu bà **Ú** cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Ông **Nguyễn Ngọc Đ** tự nguyện chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

* **Bị đơn là bà Trần Thị Ú trình bày**: Bà **Ú** thừa nhận lời trình bày của nguyên đơn về quá trình kết hôn và chung sống vợ chồng. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Đến tháng 10/2023, ông **Đ** đã về lại nhà cha mẹ của ông **Đ** tại **huyện T, tỉnh Phú Yên** sinh sống, còn bà **Ú** tiếp tục ở tại **thôn C, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận**. Do đó, vợ chồng ông **Đ**, bà **Ú** đã sống ly thân từ tháng 10/2023 cho đến nay. Nay ông **Đ** yêu cầu ly hôn thì bà **Ú** đồng ý ly hôn với ông **Đ**.

- *Về con chung*: Khi ly hôn, bà **Ú** có nguyện vọng chăm sóc, nuôi dưỡng cháu **Nguyễn Trần Thiên T**, sinh ngày 21/7/2019 (hiện đang sống chung với bà **Ú**). Bà **Ú** đồng ý giao cháu **Nguyễn Trần Thiên N**, sinh ngày 16/4/2018 cho ông **Đ** chăm sóc, nuôi dưỡng; không yêu cầu ông **Đ** cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà **Trần Thị Ú** có yêu cầu chia tài sản chung gồm có số tiền bảo hiểm thất nghiệp 120.972.000 đồng; bảo hiểm xã hội 298.000.000 đồng; chiếc xe Huynhdai acent 488.000.000 đồng mà ông **Đ** đang trả góp cho Ngân hàng nhưng bà **Ú** không có đơn yêu cầu phân tố về chia tài sản chung và nợ chung. Tuy nhiên, tại phiên tòa thì bà **Trần Thị Ú** xác định là vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Theo quy định pháp luật.

Đại diện VKSND huyện Hàm Tân tham gia phiên tòa phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thu thập chứng cứ giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng và đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng. Đối với đương sự thì nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án tiếp tục xét xử vụ án là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, thấy rằng giữa ông **Đ** và bà **Ú** tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại **UBND xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên** vào ngày 11/12/2017. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, thường xuyên cãi vã do không cùng quan điểm sống, nên ông **Đ** đã về lại nhà cha mẹ của ông **Đ** tại **huyện T, tỉnh Phú Yên** sinh sống, còn bà **Ú** tiếp tục ở tại **thôn C, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận**. Do đó, vợ chồng ông **Đ**, bà **Ú** đã sống ly thân từ tháng 10/2023

cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên ông Đ đề nghị Tòa án giải quyết cho ông Đ được ly hôn với bà Trần Thị Út. Đồng thời, bà Ú đồng ý ly hôn với ông Đ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Đ và bà Ú theo quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thoả thuận của các đương sự về con chung, cụ thể: Giao cháu Nguyễn Trần Thiên N cho ông Đ nuôi dưỡng tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Giao cháu Nguyễn Trần Thiên T cho bà Ú nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy;

[1] *Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của tòa án:* Hội đồng xét xử thấy rằng đây là tranh chấp ly hôn và nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Theo lời trình bày của các bên đương sự đều thống nhất xác định: Giữa ông Đ và bà Ú tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên vào ngày 11/12/2017. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống tại thôn C, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, thường xuyên cãi vã do không cùng quan điểm sống, nên ông Đ đã về lại nhà cha mẹ của ông Đ tại huyện T, tỉnh Phú Yên sinh sống, còn bà Ú tiếp tục ở tại thôn C, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Do đó, vợ chồng ông Đ, bà Ú đã sống ly thân từ tháng 10/2023 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên ông Đ đề nghị Tòa án giải quyết cho ông Đ được ly hôn với bà Trần Thị Út. Đồng thời, bà Ú đồng ý ly hôn với ông Đ. Do đó, Hội đồng xét xử cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Đ và bà Ú theo quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. *Về con chung:* Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, các bên đương sự đã thoả thuận thống nhất và đề nghị giao cháu Nguyễn

[Trần Thiện N](#) cho ông [Đ](#) nuôi dưỡng tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Giao cháu [Nguyễn Trần Thiện T](#) cho bà [Ú](#) nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các bên đương sự đều thống nhất, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Đây là ý chí tự nguyện của các bên đương sự, phù hợp quy định pháp luật nên cần chấp nhận.

[5]. *Về chia tài sản và nợ chung:* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà [Trần Thị Ú](#) có yêu cầu chia tài sản chung gồm có số tiền bảo hiểm thất nghiệp 120.972.000đồng; bảo hiểm xã hội 298.000.000đồng; chiếc xe Huynhdai acent 488.000.000 đồng mà ông [Đ](#) đang mua trả góp cho Ngân hàng nhưng bà [Ú](#) không có đơn yêu cầu phản tố về chia tài sản chung và nợ chung. Mặc khác, tại phiên tòa thì bà [Trần Thị Ú](#) xác định, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Trường hợp, các bên đương sự có tranh chấp về tài sản chung thì có quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án khác.

[6]. *Về án phí:* Ông [Nguyễn Ngọc Đ](#) phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 200, khoản 1 Điều 228, Điều 246, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

-Tuyên bố:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông [Nguyễn Ngọc Đ](#) và bà [Trần Thị Út](#).

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự về con chung, cụ thể như sau:

- Giao cháu [Nguyễn Trần Thiện N](#) cho ông [Đ](#) nuôi dưỡng tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

- Giao cháu [Nguyễn Trần Thiện T](#) cho bà [Ú](#) nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng cho con.

- *Về cấp dưỡng:* Không giải quyết yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Ông [Nguyễn Ngọc Đ](#) chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền số 0010841 ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Tân.

3. Án xử công khai, báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Hàm Tân;
- THA dân sự huyện Hàm Tân;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Đình Khương